

# Vốn ODA của Nhật Bản tại Việt Nam sau Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản

NGUYỄN THỊ THÚY\*

**Tóm tắt:** *Vốn hỗ trợ phát triển chính thức là nguồn vốn có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia đang phát triển trong đó có Việt Nam. Theo thống kê của Tổ chức Hợp tác và Phát triển (OECD), Nhật Bản là quốc gia viện trợ vốn phát triển chính thức cho Việt Nam lớn nhất trong nhiều năm qua. Nguồn vốn này đã giúp Chính phủ Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và góp phần đạt được các thành tựu phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội nổi bật. Bài viết được thực hiện nhằm làm rõ tình hình thu hút vốn này từ Nhật Bản vào Việt Nam kể từ khi hai nước ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện (VJEPA), để từ đó thấy được vai trò của nguồn vốn này đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của Việt Nam.*

**Từ khóa:** *Vốn ODA, phát triển kinh tế - xã hội, VJEPA, Nhật Bản.*

## 1. Vốn ODA của Nhật Bản cho Việt Nam:

### Quy mô và tình hình thực hiện

#### 1.1. Quy mô nguồn vốn ODA của Nhật Bản

Việt Nam bắt đầu nhận được nguồn tài chính hỗ trợ phát triển chính thức (*Official Development Assistance ODA*) từ năm 1993 sau khi tình hình chính trị quốc tế, khu vực có một

loạt những cải thiện tích cực cùng với những cải cách kinh tế mạnh mẽ trong nước.

Hiện nay có 51 nhà tài trợ song phương và đa phương, trong đó có 28 nhà tài trợ song phương và 23 nhà tài trợ đa phương<sup>1</sup> đang hoạt động thường xuyên tại Việt Nam. Ngoài các nước là thành viên của OECD, Việt Nam còn có các nhà tài trợ mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Hungary, Cộng hòa Séc... Bên cạnh nguồn vốn

#### \*Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

<sup>1</sup>Các nhà tài trợ song phương: Ai-xơ-len, Anh, Áo, Ba Lan, Bỉ, Canada, Cô-ôét, Đan Mạch, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Hungari, Italya, Luxembua, Mỹ, Na-uy, Nhật Bản, Newzeland, Australia, Phần Lan, Pháp, Séc, Tây Ban Nha, Thái Lan, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Trung Quốc, Singapore.

Các nhà tài trợ đa phương gồm:

- *Các định chế tài chính quốc tế và các quỹ:* nhóm Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB), Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF), Quỹ Phát triển quốc tế của các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC (OFID - trước đây là Quỹ OPEC), Quỹ Kuwait;

- *Các tổ chức quốc tế và liên chính phủ:* Ủy ban châu Âu (EC), Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tỵ nạn (UNHCR), Quỹ Dân số của Liên Hiệp Quốc (UNFPA), Chương trình Phát triển công nghiệp của Liên Hiệp Quốc (UNIDO), Chương trình Phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP), Chương trình phối hợp của Liên Hiệp Quốc về HIV/AIDS (UNAIDS), Cơ quan Phòng chống ma túy và tội phạm của Liên Hiệp Quốc (UNODC), Quỹ Đầu tư Phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNCDF), Quỹ môi trường toàn cầu (GEF), Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF), Quỹ Quốc tế và Phát triển nông nghiệp (IFAD), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực (FAO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO).

ODA, Việt Nam còn có khoảng 600 tổ chức phi chính phủ hoạt động với số tiền viện trợ hàng năm lên đến 200 triệu USD trợ giúp trực tiếp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của người dân trong nhiều lĩnh vực khác nhau

liên quan trực tiếp đến đời sống người dân, đặc biệt tại các khu vực khó khăn như vùng núi, vùng sâu, vùng xa... Các nhà tài trợ này đều có các chiến lược hoặc chương trình hợp tác trung hạn về phát triển hợp tác tại Việt Nam.

**Bảng 1: ODA của các nước thuộc OECD cho Việt Nam thời kỳ 2011 - 2015**

Đơn vị: Triệu USD

Năm \ Nước	Nhật Bản	Pháp	Hàn Quốc	Australia	Đức	Tổng
2011	1368,49	282,50	146,45	137,26	130,19	2.520,28
2012	2.035,64	199,47	207,09	144,50	106,15	3.142,29
2013	1.680,40	248,54	242,46	147,17	154,75	2.866,61
2014	1.883,97	231,39	187,05	125,80	181,87	2.983,54
2015	1.418,88	160,71	225,93	103,88	156,28	2.311,69

*Nguồn: Ủy ban Viện trợ phát triển của Tổ chức Hợp tác và Phát triển (OECD/DAC).*

Tổng số vốn ODA cam kết dành cho Việt Nam trong năm 2011 đến từ 9 quốc gia tài trợ trực tiếp, 15 quốc gia thuộc Cộng đồng châu Âu (EU), và 5 tổ chức phát triển đạt con số kỷ lục trên 8,06 tỷ USD. Trong 5 tổ chức phát triển, Ngân hàng Thế giới (WB) là nhà tài trợ lớn nhất cho Việt Nam, với gần 2,5 tỷ USD; tiếp đến là Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), với gần 1,5 tỷ USD. Về phía các quốc gia tài trợ trực tiếp cho Việt Nam, Nhật Bản vẫn là quốc gia tài trợ quan trọng nhất, với 1,64 tỷ USD. Tổng cộng 15 nhà tài trợ thuộc EU cam kết tài trợ trên 1,08 tỷ USD trong năm 2015<sup>2</sup>.

Căn cứ vào bảng số liệu cho thấy, nếu xét về tổng số vốn vay ODA trên cơ sở giải ngân (theo từng năm dương lịch) thì Nhật Bản, Pháp, Hàn Quốc và Đức hiện nay đang là nhà tài trợ lớn nhất, trong đó vốn ODA của Nhật Bản chiếm hơn 80%<sup>3</sup>. Đối với viện trợ không hoàn lại, Nhật Bản, Úc và Mỹ là ba nhà tài trợ lớn nhất. Còn về hợp

tác kỹ thuật thì Nhật Bản, Đức và Australia chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Cùng với sự tăng vốn của các nhà tài trợ thuộc OECD thì Nhật Bản cũng không ngừng tăng cường nguồn vốn ODA cho Việt Nam. Nhìn vào tỷ lệ vốn ODA của Nhật Bản trong tổng số vốn ODA của Việt Nam cho thấy có sự giảm sút, song nếu nhìn vào số lượng vốn ODA của các nhà tài trợ cho Việt Nam thì thấy rằng tỷ lệ đó là không nhỏ. Nhật Bản chỉ là một nhà tài trợ song phương nhưng quy mô vốn luôn cao, gần bằng với số vốn của các nhà tài trợ đa phương lớn cho Việt Nam: Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Liên minh châu Âu (EU)<sup>4</sup> (xem Bảng 2). Trong khi đó, số lượng vốn ODA các nhà tài trợ song phương khác chỉ chiếm một phần nhỏ. Điều này cho thấy tỷ lệ và tổng số vốn ODA của Nhật Bản vào Việt Nam là tương đối lớn và ổn định.

<sup>2</sup>World Bank Open Data từ <https://data.worldbank.org>.

<sup>3</sup>OECD, <http://www.oecd.org/>

<sup>4</sup>World Bank Open Data từ <https://www.data.worldbank.org/>

**Bảng 2: Tài trợ ODA của các tổ chức quốc tế giành cho Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015**

Đơn vị: Triệu USD

Năm \ Tổ chức	WB	ADB	EU	GFATM	IFAD	Các tổ chức khác	Tổng
2011	1.050,10	371,46	147,46	54,26	25,88	65,38	1.714,55
2012	1.172,96	320,07	33,98	33,35	22,28	50,80	1.633,43
2013	1.272,27	386,27	57,46	56,13	41,37	70,35	1.883,84
2014	1.360,30	448,46	45,71	32,94	28,39	83,85	1.999,67
2015	908,55	440,40	72,38	45,45	30,81	77,16	1.547,77

Nguồn: OECD/ DAC.

**Ghi chú:** WB – Ngân hàng Thế giới; ADB – Ngân hàng Phát triển châu Á; EU – Liên minh châu Âu; GFATM – Quỹ Phòng chống bệnh AIDS, lao và sốt rét; IFAT – Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế.

Từ những con số so sánh trên, có thể thấy Nhật Bản là nước cung cấp viện trợ phát triển lớn nhất, chiếm trên 30% tổng cam kết viện trợ của cộng đồng quốc tế cho Việt Nam và là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam, trong đó riêng viện trợ không hoàn lại chiếm hơn 10%, phần còn lại là các khoản tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp và thời gian tài trợ dài.

### 1.2. Thực trạng giải ngân và thực hiện

Viện trợ chính thức song phương của Nhật Bản cho Việt Nam được thực hiện theo ba hình thức: i) Hợp tác vốn vay; ii) Hợp tác viện trợ không hoàn lại và iii) Hợp tác kỹ thuật. Để liên kết thực hiện các hình thức ODA nêu trên, Chính phủ Nhật Bản thành lập một cơ quan điều phối chung với tên gọi “Tổ công tác về ODA” gồm đại diện của bốn cơ quan là Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) và Tổ chức Xúc tiến Thương mại Nhật Bản (JETRO). Ngoài ra khi thực hiện ODA, song song với thực hiện dự án phù hợp với kế hoạch phát triển của Việt Nam, Nhật Bản chú trọng việc hợp tác viện trợ với các nhà tài trợ có liên quan. Các hình thức ODA của Nhật Bản cho Việt Nam có thể tham khảo trong Hình 1 dưới đây:

*Trong đó:*

+ *ODA song phương* bao gồm các hoạt động hỗ trợ trực tiếp từ Chính phủ Nhật Bản cho chính phủ nước tiếp nhận. ODA song phương được chia làm 2 loại: ODA không hoàn lại và tín dụng ODA.

+ *ODA không hoàn lại:* Hầu hết các hoạt động ODA không hoàn lại được Chính phủ Nhật Bản thực hiện thông qua JICA, gồm viện trợ chung và hợp tác kỹ thuật.

+ *Tín dụng ODA:* Đây là khoản tín dụng trực tiếp của Chính phủ Nhật Bản dành cho nước tiếp nhận để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với các tiêu chuẩn của DAC và OECD. Việc cung cấp tín dụng ODA Nhật Bản ngày nay được thực hiện thông qua JBIC. Tín dụng ODA Nhật Bản có thể được chia làm 2 nhóm chính: Tín dụng dự án và Tín dụng phi dự án.

+ *ODA đa phương:* Đây là hình thức đóng góp tài chính hoặc kỹ thuật của Chính phủ Nhật Bản cho các tổ chức quốc tế đa phương như Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP), Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn (UNHCR)... và các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)... với mục tiêu góp phần thúc đẩy ổn định và phát triển tại các nước đang phát triển.

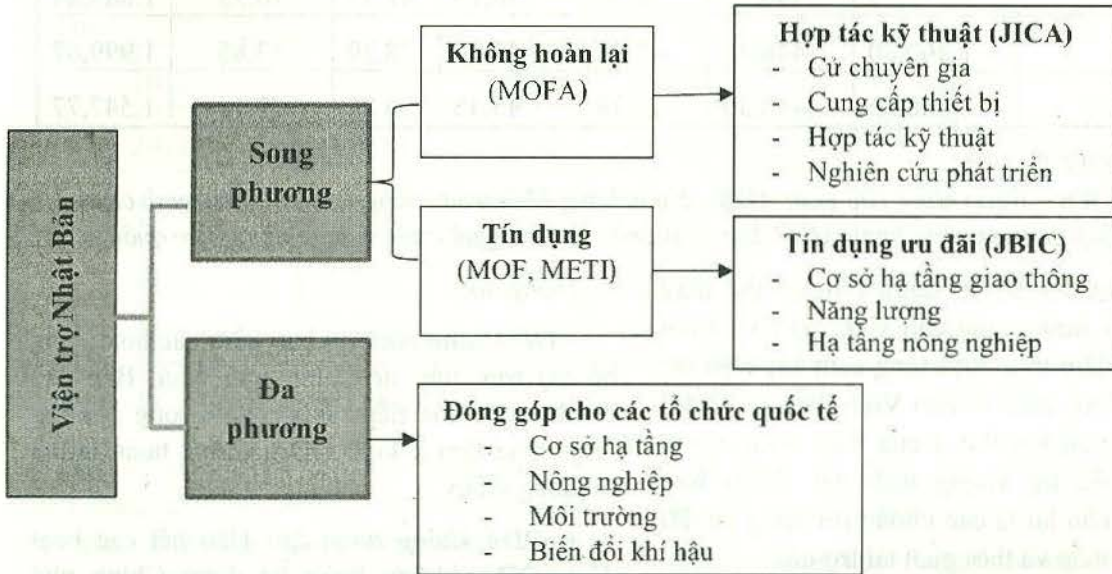
### 1.3. Chính sách ODA Nhật Bản đối với Việt Nam từ sau VJEPA

Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản từ đầu thế kỷ XXI đến nay đã phát triển sang giai đoạn mới về chất và đi vào chiều sâu, đưa đến hình thành khuôn khổ quan hệ ở tầm vĩ mô. Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) được

ký kết ngày 25/12/2008 dựa trên các chuẩn mực của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thể hiện sự cân bằng về lợi ích và phù hợp với trình độ và năng lực thực hiện của mỗi bên và thúc đẩy đi đến tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ, hợp tác kinh tế và đầu tư giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Sơ đồ 1:

Cơ cấu tổ chức ODA Nhật Bản



VJEPA ra đời trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang ở trong tình trạng khủng hoảng và quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng này. Tuy vậy, việc ký kết VJEPA đã mở ra triển vọng to lớn thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa hai nước, các thủ tục xuất nhập khẩu cũng như thủ tục hải quan đang dần được rút ngắn và hiệu quả hơn nhờ vào hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam (VNACCS) – đây là hệ thống được áp dụng nhờ viện trợ của Nhật Bản. Cơ sở hạ tầng kinh tế được cải thiện thông qua nguồn viện trợ ODA mà Nhật Bản dành cho Việt Nam

đã góp phần thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ kinh tế giữa hai quốc gia.

Mặc dù nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, và viện trợ của Nhật Bản dành cho các nước bị giảm sút đáng kể, song Việt Nam vẫn là nước được ưu tiên nhận viện trợ của Nhật Bản. Về cơ bản, chính sách cung cấp ODA của Nhật Bản đối với Việt Nam kể từ sau khi ký kết VJEPA được tập trung ưu tiên vào những lĩnh vực chính sau đây<sup>5</sup>: Phát triển nguồn nhân lực và xây dựng thể chế, đặc biệt hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế định hướng thị trường;

<sup>5</sup> Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam: “Hợp tác kinh tế của Nhật Bản”. [https://www.vn-emb-japan.go.jp/itprtop\\_vi/index.html](https://www.vn-emb-japan.go.jp/itprtop_vi/index.html)

- Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực điện lực và giao thông vận tải;
- Phát triển nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp và chuyên giao kỹ thuật nông nghiệp;
- Y tế và giáo dục;
- Bảo vệ môi trường (rừng, môi trường đô thị, phòng chống ô nhiễm công nghiệp).

**3. Thực trạng thu hút ODA của Nhật Bản vào Việt Nam sau VJEP**

**3.1. Quy mô và cơ cấu**

**Bảng 3: Viện trợ phát triển chính thức ODA của Nhật Bản cho Việt Nam từ năm 2009 đến 2016**

*Đơn vị: Triệu yên*

Năm	Viện trợ cho vay	Viện trợ không hoàn lại	Hợp tác kỹ thuật	Tổng
2009	145.610	3.280	5.000	153.890
2010	86.570	3.460	7.150	97.180
2011	270.000	5.400	10.486	285.886
2012	202.926	1.720	8.515	213.161
2013	201.985	1.465	8.271	211.721
2014	112.414	1.481	7.667	121.562
2015	178.761	3.293	10.157	192.211
2016	132.142	2.635	9.040	143.817

*Nguồn: Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam.*

Do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 và thảm họa động đất, sóng thần năm 2011, nguồn vốn ODA của Nhật Bản vào Việt Nam có sự dao động khá lớn trong giai đoạn 2009 – 2015. Năm 2009, vốn cho vay 145.610 là triệu yên bao gồm cả kinh phí hỗ trợ đối phó với khủng hoảng kinh tế thế giới (500 triệu USD)<sup>6</sup>. Cuối năm 2010, viện trợ cho vay của Nhật Bản cho Việt Nam là 86.570 triệu yên, giảm 59 triệu

*Quy mô của ODA được duy trì ổn định với khối lượng khá lớn:* Kể từ khi hai nước ký kết Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện vào năm 2009, dòng vốn ODA của Nhật Bản dành cho Việt Nam vẫn liên tục tăng ngay cả khi nền kinh tế Nhật Bản gặp khó khăn nhất. Với các khoản cho vay, viện trợ không hoàn lại và hợp tác về kỹ thuật, ODA Nhật Bản đã giúp Việt Nam cải thiện cơ sở hạ tầng; nâng cao môi trường sống và xã hội; thực hiện những cải cách về kinh tế và pháp lý cần thiết nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế hơn nữa.

yên so với năm 2009. Sự sụt giảm này là do chính sách cắt giảm ODA dành cho các nước theo Chương trình cải cách thể chế thực hiện ODA của Chính phủ Việt Nam. Năm 2011, trận động đất và sóng thần kinh hoàng xảy ra ở Nhật Bản đã làm giảm sức mạnh của nền kinh tế Nhật Bản. Đối với Việt Nam, nếu như nhà tài trợ lớn là Nhật Bản tạm dừng hoặc cắt giảm vốn thì chúng ta có thể sẽ vấp phải những khó khăn trong nguồn vốn

<sup>6</sup>Bộ ngoại giao Nhật Bản: “Đánh giá hỗ trợ quốc gia Việt Nam”, Báo cáo đánh giá của bên thứ 3, Công ty TNHH AZSA.

để duy trì các dự án đang dở và thực hiện những dự án mới theo tiến độ. Trước tình hình đó, những bàn luận và đánh giá về vấn đề tương lai của các dòng vốn ODA và FDI của Nhật Bản đã được đưa ra, có nhiều ý kiến trái ngược nhau nhưng nhìn chung là thái độ lạc quan. ODA Nhật Bản vẫn được thực hiện theo đúng số vốn cam kết tuy có chậm trễ về tiến độ, việc duy trì cho vay nhằm phát huy tầm ảnh hưởng của nước này không chỉ tại Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia khác<sup>7</sup>. Kể từ năm 2011 đến nay, lượng vốn ODA mà Nhật Bản cam kết cũng như ký kết với Việt Nam đã được phục hồi và luôn đạt mức cao. Trong đó, năm 2012 là năm mà Việt Nam thu hút được khối lượng vốn ODA từ Nhật Bản cao nhất giai đoạn 2011 - 2016 với 1.478,05 triệu USD, vượt so với vốn cam kết 12%. Tiếp theo là kết quả của năm 2014 với 1.394,65 triệu USD, tăng so với năm 2013 là 18,4%. Đến năm 2015 thì số vốn ODA mà Việt Nam ký kết với Nhật Bản là 983,46 triệu USD, giảm 41,1% so với năm 2014. Năm 2016, số vốn ODA Nhật Bản dành cho Việt Nam là 1.061,32 triệu USD. Có thể nhận thấy trong suốt giai đoạn thì có 3 năm mà vốn ODA ký kết vượt so với vốn cam kết là 2011, 2012 và

2014. Trong ba năm này cũng có sự khởi sắc trong phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam nhờ sự phát huy tác dụng của các hiệp định đã ký với Nhật Bản.

## 2.2. Tình hình giải ngân

Việt Nam luôn nhận thức rằng vốn ODA cam kết tăng là tín hiệu đáng mừng trong hợp tác nhưng đó mới chỉ là những cam kết ủng hộ mang tính chính trị và ngoại giao. Chính vì vậy, giải ngân các khoản vay ODA là một vấn đề được quan tâm và chú trọng. Việc nhanh chóng giải ngân các khoản vay vừa đảm bảo cho tiến độ các dự án được thực hiện đúng, vừa tạo niềm tin cho phía nhà tài trợ.

Sau những vụ việc chậm trễ trong giải ngân nguồn vốn ODA nói chung và ODA Nhật Bản nói riêng, Việt Nam đang nỗ lực và cố gắng nhiều hơn trong công tác giải ngân. Kết quả của những nỗ lực đó có thể nhận thấy qua số vốn ODA của Nhật Bản mà Việt Nam giải ngân trong năm 2009 đạt 1.191,36 triệu USD, đây là con số lớn nhất trong suốt quá trình hợp tác giữa hai quốc gia. Qua Bảng 4, xu hướng giải ngân vốn ODA Nhật Bản giai đoạn 2012 - 2016 giảm rõ rệt, đặc biệt là nguồn vốn vay hợp tác kỹ thuật.

**Bảng 4:** Giải ngân ODA của Nhật Bản vào Việt Nam giai đoạn 2012 - 2016

Đơn vị: Triệu USD

Năm	Cho vay ưu đãi	Viện trợ không hoàn lại	Hợp tác kỹ thuật	Tổng
2012	1.478,05	20,38	148,27	1.646,71
2013	1.177,61	23,99	105,30	1.306,89
2014	1.394,65	39,67	88,76	1.523,09
2015	983,46	12,94	78,52	1.074,92
2016	1.061,32	9,28 (2,76)	95,47	1.166,06

Nguồn: OECD/DAC.

<sup>7</sup> Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, "Thu hút và sử dụng tối nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, đầu tư

trực tiếp nước ngoài và đầu tư gián tiếp nước ngoài", Trung tâm thông tin - tư liệu, 2016.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng mức giải ngân năm 2015 thấp hơn 38% với năm 2014. Nguyên nhân chậm trễ về tiến độ thực hiện và giải ngân chủ yếu vẫn là vướng mắc về thể chế, pháp lý, các qui định, qui chuẩn chuyên ngành. Không những thế, nhiều dự án còn vướng mắc do các điều chỉnh, thay đổi trong quá trình thực hiện dự án; vướng mắc do khác biệt về quy trình, thủ tục giữa Việt Nam và các nhà tài trợ; vướng mắc do vốn đối ứng không được bố trí đầy đủ và kịp thời hoặc vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng... Tuy nhiên, vướng mắc lớn nhất, ảnh hưởng nhiều đến tiến độ giải ngân vốn ODA là việc không cho phép giải ngân vượt kế hoạch được giao theo Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 của Quốc hội. Mặc dù vấn đề này đã được tháo gỡ trong năm 2015 nhờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ song tình hình giải ngân vốn ODA trong năm 2016 mới chỉ được cải thiện ở mức độ nhất định.

Để đạt được mục tiêu giải ngân, Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước về ODA, các cơ quan chủ quản, chủ dự án phối hợp với các nhà tài trợ tăng cường giám sát chặt chẽ các dự án thuộc danh sách chậm tiến độ, tổ chức thường xuyên các cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện. Đồng thời, các cơ quan có liên quan phải xác định và xử lý kịp thời các vướng mắc nảy sinh, thúc đẩy tiến độ thực hiện và nâng cao tỷ lệ giải ngân các chương trình, dự án ODA.

Trong điều kiện nguồn vốn ODA ngày càng hạn hẹp, việc Nhật Bản vẫn duy trì mức ODA cam kết hàng năm khẳng định tầm quan trọng của mối quan hệ song phương. Nhật Bản vẫn tiếp tục là đối tác và là nhà tài trợ ODA lớn cho Việt Nam cả trong đóng góp đa phương lẫn tài trợ song phương. Theo chính sách viện trợ của Nhật Bản, các khoản vay ưu đãi với lãi suất 0,75 - 1,5%/năm và thời gian ân hạn 20 - 40 năm vẫn tiếp tục được cung cấp cho các nước có GDP bình quân đầu người từ 1.436 đến 2.975

USD/năm. Như vậy, điều kiện này sẽ còn phù hợp với Việt Nam. Với đặc trưng là các khoản vay lớn, vốn vay ODA của Nhật Bản trong thời gian qua tập trung chủ yếu vào các dự án hạ tầng quy mô lớn, tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế-xã hội nước ta một cách bền vững.

### 2.3. ODA của Nhật Bản phân theo lĩnh vực sau:

- *Phát triển nguồn nhân lực*: Trong hiệp định VJEP, ngoài các cam kết theo WTO, hai bên đồng ý tiếp nhận khách kinh doanh, nhận nhân viên điều dưỡng trong lĩnh vực y tế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo yêu cầu luật pháp của nước tiếp nhận trong thời hạn ba năm và có thể được gia hạn. Ngoài ra, Nhật Bản còn chấp nhận: i) Dành khoản vay ODA lãi suất ưu đãi cho Việt Nam đào tạo mỗi năm 200 - 300 nhân viên điều dưỡng Việt Nam tại Nhật Bản và cho phép y tá đào tạo tại Nhật bản được làm việc lâu dài (tới bảy năm) tại Nhật Bản; ii) Hỗ trợ xây dựng hệ thống kiểm định tay nghề cho Việt Nam, trong đó có nghề nhân viên điều dưỡng, hộ lý, hỗ trợ xây dựng hệ thống cấp chứng chỉ cho nghề y tá, hộ lý; iii) Trong vòng một năm kể từ khi ký kết EPA, sẽ nối lại đàm phán về di chuyển lao động với Việt Nam để cải thiện điều kiện tiếp cận thị trường cho y tá, hộ lý và các ngành nghề khác. Năm 2016, Chính phủ Nhật Bản triển khai chương trình vay vốn ODA cho một số trường nghề của Việt Nam, giúp nâng cấp trường, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế. Việt Nam hiện có 156 trường cao đẳng nghề, 304 trường trung cấp nghề, 844 trung tâm dạy nghề. Dự kiến đến năm 2015 Nhật sẽ cấp ODA hỗ trợ cho các trường nghề theo quy hoạch 26 trường chất lượng cao, trong đó có năm trường đạt trình độ quốc tế<sup>8</sup>.

- *Xây dựng thể chế*: Thông qua việc tiếp nhận nguồn vốn ODA, Việt Nam đã học hỏi được những kiến thức, kinh nghiệm của Nhật Bản để hoàn thiện môi trường thể chế, pháp lý trong quá

<sup>8</sup><http://www.mpi.gov.vn/>-Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

trình chuyển tiếp sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế và khu vực. Nhiều dự thảo luật và văn bản quy phạm pháp luật dưới luật đã được xây dựng với sự hỗ trợ của nguồn vốn ODA Nhật Bản như: Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Luật Đầu tư nước ngoài, Luật doanh nghiệp...

- *Phát triển cơ sở hạ tầng*: Trong năm 2011, ODA của Nhật Bản dành cho Việt Nam đạt 1,76 tỷ USD, nguồn tín dụng trên sẽ trực tiếp dành cho hai dự án hạ tầng giao thông quan trọng của Việt Nam là Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, có tổng vốn đầu tư 932,4 triệu USD, sử dụng vốn ODA của Nhật Bản (JICA là cơ quan thực hiện) và Ngân hàng Phát triển châu Á - ADB và Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi với tổng vốn đầu tư 1.472 triệu USD, gồm vốn ODA của Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới (WB) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam. Trong năm 2013 các nguồn vốn này tập trung nhiều vào phát triển cơ sở hạ tầng với hơn 1,4 tỷ USD, chiếm 37,37% với 3 dự án lớn tổng giá trị hơn 550 triệu USD, gồm xây dựng nhà ga T2 cảng hàng không quốc tế Nội Bài, mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, xây dựng đường bộ trên cao đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long thuộc vành đai 3 Hà Nội.

Dòng vốn ODA Nhật Bản trong năm 2014 - 2015 vẫn chảy mạnh vào các dự án cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông quy mô lớn. Để có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận nguồn vốn ODA Nhật Bản, Danh mục 29 dự án hạ tầng giao thông đã được Bộ GTVT đề xuất sử dụng vốn vay ODA Nhật Bản giai đoạn 2013 - 2016, với tổng mức đầu tư lên tới 470 tỷ yên (6 tỷ USD). Tổng quan kết quả hợp tác của JICA với Việt Nam trong năm 2017: *Vốn vay ODA*: 5 dự án vốn vay mới được ký kết với tổng giá trị là 82,8 tỷ yên; 38 dự án đang được thực hiện với tổng giá trị giải ngân trong năm 2017 là 145 tỷ

yên; *viện trợ không hoàn lại*: 1 dự án mới được ký kết hiệp định viện trợ không hoàn lại, với tổng giá trị 1,8 tỷ yên; *hợp tác kỹ thuật*: 9 dự án hợp tác kỹ thuật đã hoàn thành, 7 dự án mới được triển khai trong số 37 dự án đang triển khai; *chương trình đề xuất từ các doanh nghiệp tư nhân của Nhật Bản*: 14 dự án đã hoàn thành, 36 dự án đang triển khai, trong đó có 8 dự án mới; *hợp tác kỹ thuật cấp cơ sở*: 23 dự án đang triển khai (trong đó có 1 dự án mới); *tình nguyện viên*: có 47 tình nguyện viên đang hoạt động, trong đó 9 tình nguyện viên mới được phái cử sang Việt Nam<sup>9</sup>.

- *Nông nghiệp và phát triển nông thôn*: Đến nay, Nhật Bản đã tài trợ cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (NN&PTNT) 70 dự án với tổng vốn 1,3 tỷ USD. Trong đó, 60 dự án là dự án hỗ trợ kỹ thuật, viện trợ không hoàn lại, hỗ trợ khẩn cấp với tổng vốn đạt trên 300 triệu USD, và 10 dự án vốn vay lớn trong lĩnh vực thủy lợi, lâm nghiệp với gần 1 tỷ USD. Mặc dù nguồn vốn ODA dành cho nông nghiệp không nhiều, nhưng theo đánh giá của Bộ NN&PTNT, nguồn vốn này đã đóng góp đáng kể cho sự phát triển của ngành trong những năm qua. Cụ thể, nguồn vốn ODA góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân nông thôn, giảm tỷ lệ đói nghèo của Việt Nam từ 60% năm 2009 xuống còn 8% vào năm 2016.

- *Giáo dục*: Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, ODA Nhật Bản hỗ trợ cho việc thực hiện cải cách giáo dục ở tất cả các cấp học (giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục đại học, cao đẳng và dạy nghề), đào tạo giáo viên, tăng cường năng lực công tác kế hoạch và quản lý giáo dục, cung cấp học bổng đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài, cử cán bộ, công chức đào tạo và đào tạo lại tại nước ngoài về các lĩnh vực kinh tế, khoa học, công nghệ và quản lý. Việt Nam cũng đã mời nhiều giáo sư, chuyên gia Nhật Bản sang giảng dạy, tiếp nhận

<sup>9</sup>Diễn đàn đầu tư - kinh doanh: "Nhật Bản tiếp tục hỗ trợ ODA cho Việt Nam", <https://www.baodautu.vn/nhat-ban-tiep-tuc-ho-tro-oda-cho-viet-nam->

d78808.html?fbclid=IwAR3fq\_tX2raRZ6EBTKSAn58oQOo2n63effQzBo0IV4rRnXiC3jsFUeJyvLI



các học giả Nhật Bản sang tìm hiểu về văn hoá, lịch sử Việt Nam.

- *Y tế*: Trong lĩnh vực y tế, vốn ODA không hoàn lại chiếm tỷ trọng cao, khoảng 58% trong tổng vốn ODA (khoảng 0,9 tỷ USD) đã được sử dụng để tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật cho công tác khám và chữa bệnh (xây dựng bệnh viện và tăng cường trang thiết bị y tế cho một số bệnh viện tuyến tỉnh và thành phố, hỗ trợ xây dựng chính sách và nâng cao năng lực quản lý ngành. Dự án nâng cấp thiết bị y tế tại Trung tâm Bảo vệ Sức khỏe Sinh sản, nâng cấp Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Đà Nẵng... Sự hỗ trợ của ODA đối với ngành y tế trong thời gian qua đã góp phần vào những tiến bộ đạt được trong việc hoàn thành các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) liên quan tới y tế.

### 3. Đánh giá về vốn ODA Nhật Bản

#### 3.1. Thành tựu

*Thứ nhất, cải thiện và nâng cấp môi trường kinh doanh tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.* ODA của Nhật Bản cũng như các nhà tài trợ khác, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, năng lượng và công nghiệp – những lĩnh vực đòi hỏi vốn và kỹ thuật hết sức tiên tiến, nhưng ngân sách Việt Nam còn hạn chế; khu vực tư nhân trong và ngoài nước trong thời gian đầu phát triển thì không mặn mà bởi vốn cao mà thời gian thu hồi vốn thì chậm, chưa kể đây là những lĩnh vực nhạy cảm, ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng nên gặp phải rào cản rất lớn từ phía Nhà nước. Những dự án lớn, những công trình trong lĩnh vực giao thông và điện đã hoàn thành và đưa vào sử dụng góp phần tạo điều kiện cho Việt Nam mở rộng tái sản xuất, tạo môi trường thuận lợi thu hút nguồn vốn trong nước và vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Theo kết quả khảo sát về tình hình hoạt động của doanh nghiệp Nhật Bản tại châu Á và châu Đại Dương do JETRO mới thực hiện, thì thuận lợi trong môi trường đầu tư của Việt Nam là “quy mô thị trường/khả năng tăng trưởng”, “tình hình chính trị/xã hội ổn định” và “chi phí nhân công rẻ”. Năm 2017 là năm doanh nghiệp Nhật Bản đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đầu tư đạt mức kỷ lục, với 8,6 tỷ USD, đứng đầu danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Số dự án đầu tư mới ghi nhận mức tăng kỷ lục, với 367 dự án. Cũng theo kết quả khảo sát của JETRO, năm 2017 có hơn 65% doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư tại Việt Nam làm ăn có lãi, tăng 2,3 điểm so với năm 2016. Lợi nhuận của gia công xuất khẩu tương đối tốt. Về triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, khoảng 70% doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam có kế hoạch mở rộng kinh doanh và tiếp tục coi Việt Nam là địa điểm đầu tư quan trọng. “Đây là tỷ lệ rất cao, trong khi kết quả khảo sát ở Trung Quốc cho thấy có chưa tới 50% doanh nghiệp Nhật Bản có kế hoạch mở rộng đầu tư, còn ở các nước ASEAN thì cũng chỉ khoảng trên mức này một chút”<sup>10</sup>.

Về khuynh hướng đầu tư, bên cạnh tập trung đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thì hiện nay doanh nghiệp Nhật Bản cũng có xu hướng đầu tư vào nhiều ngành kinh tế khác của Việt Nam. Sở dĩ có sự dịch chuyển này là bởi, với các doanh nghiệp Nhật Bản, hiện Việt Nam không chỉ dừng lại là quốc gia giữ vai trò là trung tâm sản xuất mà còn là quốc gia đóng vai trò là trung tâm của các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của họ.

Cũng tại khảo sát này, JETRO chỉ ra Việt Nam đang có nhiều yếu tố thuận lợi trong môi trường đầu tư như: Quy mô thị trường tốt, khả năng tăng trưởng cao, tình hình chính trị - xã hội ổn định, chi phí nhân công rẻ... tiếp tục là những điểm cộng để Việt Nam trở thành địa điểm đầu

<sup>10</sup><http://www.tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi-nhieu-loi-the-hap-dan-nha-dau-tu-nhat-ban-135107.html?fbclid=IwAR3TX>

rP20o9ILLp35yjVczOgYiBICSUKAuGkVYideNTZo0hGVil7iCuZsE

tư hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có doanh nghiệp Nhật Bản. Trưởng đại diện JETRO tại Việt Nam, ông Hiroboku Kitagawa nhận định “Năm 2018, tiếp tục là năm được dự báo dòng vốn FDI đổ vào Việt Nam gia tăng mạnh nếu một số hạn chế trong môi trường đầu tư được tháo gỡ”. Tuy nhiên, môi trường đầu tư vẫn còn 5 rủi ro của nhiều năm trước chưa được hạn chế hay tháo gỡ. Đó là, có tới hơn 60% doanh nghiệp Nhật Bản cho rằng chi phí nhân công tăng cao nhưng năng suất lao động không tăng; tiếp đến là khoảng 50% doanh nghiệp chỉ ra hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, vận dụng pháp luật thiếu minh bạch; khoảng 40% doanh nghiệp nhận thấy phiền hà trong cơ chế, thủ tục phức tạp cùng với đó là hạ tầng cơ sở chưa hoàn thiện<sup>11</sup>. Tuy nhiên, đại diện JETRO khẳng định: “Không có chuyện các doanh nghiệp Nhật Bản nản lòng, bởi Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư Nhật Bản”. Giải thích cho nhận xét đưa ra, theo ông Hiroboku Kitagawa, khi các doanh nghiệp Nhật Bản mới sang Việt Nam đầu tư, họ thường mang môi trường đầu tư của Nhật Bản hay một số nước phát triển khác để so sánh. Do vậy, phần nào những nhận xét về mức độ rủi ro trong môi trường đầu tư trong Khảo sát cũng bị ảnh hưởng, tỷ lệ rủi ro có thể bị đẩy lên cao hơn thực tế. Song, theo ông Hiroboku Kitagawa, cho dù kết quả không phải hoàn toàn như đánh giá thì vẫn là thách thức Việt Nam cần nhìn nhận để có những cải thiện hơn nữa trong môi trường đầu tư.

*Thứ hai, đóng góp đối với việc thúc đẩy nông nghiệp nông thôn và kết hợp với công tác xóa đói giảm nghèo:* Thông qua các dự án lớn trong lĩnh vực này, ODA của Nhật Bản giúp cho nông dân nghèo tiếp cận với các nguồn vốn để tạo ra các ngành nghề phụ, phát triển nông – lâm – ngư nghiệp, phát triển hạ tầng nông thôn như: giao thông, điện, nước sạch... Qua đó, đã góp phần hỗ trợ phát triển nông nghiệp và cải thiện

một bước quan trọng đời sống người dân các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là trong việc tiếp cận tới các dịch vụ công trong các lĩnh vực y tế, giáo dục. Trong đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam, đa số doanh nghiệp Nhật Bản tập trung ở các vùng gần Đà Lạt hoặc Mộc Châu. Tuy nhiên, gần đây, đã xuất hiện một số dự án mở rộng hoặc đầu tư sang các địa phương khác. Mặc dù quy mô còn nhỏ, nhưng nhiều doanh nghiệp Nhật Bản đã cung cấp ra thị trường những nông sản có chất lượng cao và an toàn bằng phương pháp hữu cơ. Với mức sống được cải thiện và người dân ý thức hơn về sức khỏe, thì nhu cầu về sản phẩm nông sản/thực phẩm sạch, an toàn chắc chắn cũng tăng lên. Ở Việt Nam, tiến trình già hóa dân cư diễn ra nhanh hơn so với Nhật Bản. Có thông tin dự báo, đến năm 2033, tỷ lệ người cao tuổi (trên 65 tuổi) tại Việt Nam sẽ chiếm trên 14% dân số<sup>12</sup>. Nhật Bản đã bước vào thời kỳ xã hội rất già và được xem là một nước tiên tiến trong lĩnh vực chăm sóc y tế/phúc lợi/chăm sóc điều dưỡng. Năm 2017, một tập đoàn y tế Nhật Bản đã ký thỏa thuận về hợp tác kỹ thuật với một bệnh viện công của Việt Nam. Thiết nghĩ, hai bên cần khẩn trương đào tạo nhân lực không chỉ cho chăm sóc y tế tổng quát, mà còn phục vụ việc chăm sóc người cao tuổi.

*Thứ ba, đóng góp đối với sự phát triển một số lĩnh vực xã hội:* Nhờ lượng vốn lớn và hợp tác kỹ thuật đa dạng, ODA Nhật Bản đã góp phần vào sự phát triển của xã hội Việt Nam. Cũng theo Ông Hironobu Kitagawa, việc triển khai các dự án giáo dục, đào tạo, quản lý chất thải... xuất phát từ quan điểm, chiến lược của mỗi doanh nghiệp Nhật Bản. Tuy nhiên, trong tiến trình đô thị hóa, thì tầm quan trọng của các dự án liên quan trực tiếp đến việc giải quyết các vấn đề xã hội như tắc nghẽn giao thông, xử lý ô nhiễm môi trường... chắc chắn sẽ tăng lên. Hà Nội có kế hoạch phát triển các tuyến đường vành đai,

<sup>11</sup><https://www.vietnambiz.vn/dau-tu-cua-doanh-nghiep-nhat-ban-tai-viet-nam-tang-ky-luc-45322.html?fbclid=IwAR1HujZXiJEvCZlciEB7PWHSSsJLDoJh8mP7oHhQFLJPs0sLnAP-o5DtTwU>

<sup>12</sup><https://www.baodautu.vn/nha-dau-tu-nhat-ban-quan-tam-linh-vuc-moi-truong-tai-ha-noi-d78803.html?fbclid=IwAR2uger3pRwI9onVLw948TntmvsO91VVF5BMF54W6bTLLk9qaef4woHu-eA>

đường sắt đô thị và Nhật Bản đã hợp tác một phần thông qua các khoản vay ODA. Song song với việc phát triển đó, thì đối phó với vấn đề ô nhiễm là điều không thể thiếu. Nhật Bản cũng đã từng bị ô nhiễm trầm trọng. Đã có thời kỳ, Nhật Bản ưu tiên tăng trưởng kinh tế mà quên đi điều quan trọng là bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và bảo vệ an toàn của môi trường tự nhiên. Sau đó, nhận thức rõ vấn đề này, Nhật Bản đã ban hành luật và thiết lập các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường. Kết quả là, nếu như trước đây, ô nhiễm không khí ở Nhật Bản cực kỳ tồi tệ, thì hiện nay, tình hình đã đổi khác hoàn toàn.

Các doanh nghiệp Nhật Bản rất nhạy cảm với vấn đề môi trường. Hy vọng rằng, sẽ có những dự án hợp tác giữa Nhật Bản và Việt Nam trong vấn đề này nhằm giải quyết các vấn đề xã hội.

### 3.2. Hạn chế

*Thứ nhất, nhận thức về vai trò và lợi ích của ODA còn chưa đầy đủ:* Nâng cao hiệu quả sử dụng ODA là một trong những vấn đề quan trọng mà Việt Nam phải giải quyết. Một trong những nguyên nhân chính của việc sử dụng ODA chưa có hiệu quả là nhận thức và hiểu về bản chất của ODA chưa được chính xác và đầy đủ trong quá trình huy động và sử dụng. Nhận thức cho rằng ODA là cho không và trách nhiệm trả nợ nguồn vốn vay ODA thuộc về chính phủ. Nhận thức sai lệch như vậy đã dẫn đến tình trạng kém hiệu quả trong việc thực hiện một số chương trình và dự án ODA.

*Thứ hai, tốc độ giải ngân còn chậm:* Tỷ lệ giải ngân ODA ở Việt Nam vẫn còn thấp. Tỷ lệ giải ngân thấp do một số các dự án mới triển khai hoạt động nên chưa giải ngân được vốn. Với 48 chương trình, dự án của Bộ Y tế đang thực hiện cũng bị đánh giá là rất chậm so với kế hoạch khi chỉ đạt 21,1%, với 21 dự án có tỷ lệ giải ngân dưới 40% và chỉ có 01 dự án có tỷ lệ giải ngân trên 80%. Tỷ lệ ODA trong GDP của Việt Nam dao động từ 3,5% đến 4,5%, thấp hơn một số nước có cùng trình độ phát triển kinh tế. Việt Nam cần phải nỗ lực hơn nữa để đẩy nhanh tiến độ giải ngân ODA vì so với sự tăng lên của vốn

cam kết mỗi năm, kết quả đạt được còn xa với mong đợi.

Có một vài nguyên nhân giải thích vì sao ODA lại giải ngân chậm ở Việt Nam:

*Một là,* thông thường phải mất một thời gian dài để các chương trình và dự án ODA được triển khai. Khoảng 50% nguồn vốn ODA ở Việt Nam được dành cho các dự án cơ sở hạ tầng, lĩnh vực cần nhiều thời gian hơn để tiến hành và thậm chí kết thúc chậm hơn từ 3 đến 5 năm so với các dự án ở các lĩnh vực khác. Điều này đã dẫn đến việc giải ngân chậm.

*Hai là,* năng lực quản lý và giám sát thực hiện dự án và chương trình ODA của Việt Nam còn hạn chế và bất cập, đặc biệt là ở khi có sự tham gia của chính quyền địa phương.

*Ba là,* khuôn khổ pháp lý về quản lý và sử dụng vốn ODA chưa đồng bộ và việc hiểu các văn bản này cũng không thống nhất. Hơn nữa, sự khác nhau trong nhận thức giữa các đối tác Việt Nam và các nhà tài trợ còn lớn, làm hạn chế việc thực hiện các dự án.

*Để khắc phục những hạn chế trên, trong thời gian tới Việt Nam cần:*

- Phải rà soát các quy định của các văn bản pháp quy hiện hành, trên cơ sở đó nghiên cứu và trình Quốc hội ban hành Luật về Tài chính công, hoặc Luật Quản lý nợ, trong đó có quy định về quản lý và sử dụng vốn ODA.

- Khắc phục tình trạng nhận thức chưa đúng về vốn ODA: Mặc dù, nguồn vốn ODA đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, ODA cần phải được nhắc đến như là một nguồn vốn vay chứ không hoàn toàn là nguồn viện trợ cho không, nguồn vốn này cũng tạo ra một gánh nặng phải trả đối với nền kinh tế nên chúng ta cần phải đánh giá ODA không chỉ đơn thuần về mặt quy mô mà cần trọng với hiệu quả đóng góp đối với tăng trưởng và khả năng chịu đựng của nền kinh tế.

- Khẩn trương bổ sung, hoàn chỉnh cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng vốn ODA: Về giải

ngân vốn ODA, cần hướng dẫn quy trình, thủ tục và quản lý việc rút vốn trên tinh thần cải tiến thủ tục quản lý, cấp phát vốn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Hoàn thiện tất cả các khâu từ quy hoạch, xây dựng chiến lược đầu tư, thu hút vốn, tiếp nhận vốn, tổ chức thực hiện dự án, nghiệm thu, bàn giao: Trong khâu thu hút vốn ODA phải tăng cường đàm phán để đạt yêu cầu về lãi suất, thời hạn vay, về các điều kiện giải ngân, thực hiện dự án, về định mức chi tiêu, phí tư vấn, chính

sách đối với chuyên gia trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các dự án: Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan thanh tra, kiểm tra tài chính cần tăng cường hoạt động chuyên môn để thẩm định, đánh giá, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; kiên quyết xử lý các khoản chi sai mục đích, không đúng khối lượng, đơn giá, tiêu chuẩn định mức, dự toán♦

### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Ngoại giao Nhật Bản (2016): “*Đánh giá hỗ trợ quốc gia Việt Nam*”, Báo cáo đánh giá của bên thứ 3, Công ty trách nhiệm hữu hạn AZSA, tháng 2 năm 2016.
2. <http://www.oda.mpi.gov.vn/odavn/ODA%E1%BB%9FVi%E1%BB%87tNam/T%E1%BB%95ngquanv%E1%BB%81ODA/tabid/170/articleType/ArticleView/articleId/204/15-nm-ODA--Vit-Nam.aspx>. (Bộ kế hoạch và đầu tư, truy cập ngày 06/08/2018 từ )
3. Ministry of Foreign Affairs of Japan: “*Japan’s ODA Data by Country*”, <https://www.mofa.go.jp/mofaj/gaiko/oda/files/000142552.pdf>.
4. Nguyễn Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2017): “*Tình hình huy động vốn hỗ trợ phát triển chính thức từ Hàn Quốc và Nhật Bản vào Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh, số 3 (2017).
5. Tạp chí Tài chính (15/10/2013): *Tình hình thu hút vốn ODA của Việt Nam giai đoạn 1993-2012*, Truy cập ngày 01/08/2016 từ <http://www.tapchitaichinh.vn/bao-cao-va-thong-ke-tai-chinh/tinh-hinh-thu-hut-von-oda-cua-viet-nam-giai-doan-19932012-34247.html>.
6. Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2011): *Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư gián tiếp nước ngoài*, Trung tâm thông tin – tư liệu.
7. World Bank Open Data từ <https://www.data.worldbank.org/>.

### Thông tin tác giả:

**TS. NGUYỄN THỊ THÚY**

*Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới  
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

**Email:** [thuynguyend2009@gmail.com](mailto:thuynguyend2009@gmail.com)